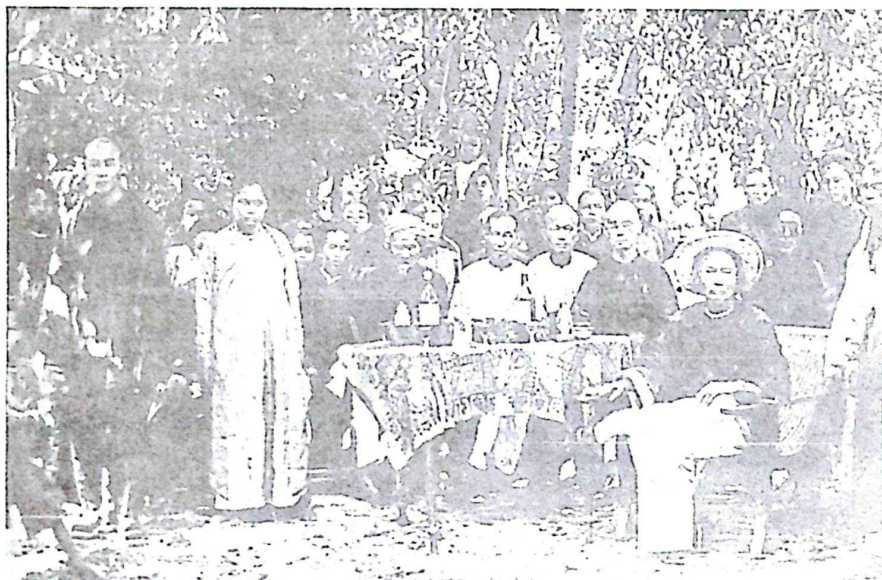


Thương nghiệp người Hoa ở Nam bộ trước 1862

CAO TỰ THANH

Xuất hiện trên bản đồ văn hóa Việt Nam ba trăm năm nay, Nam bộ là một vùng đất mà tiến trình lịch sử bắt đầu từ một xuất phát điểm kinh tế - xã hội khác với toàn quốc, trong đó nổi bật là sự phát triển của hoạt động thương nghiệp và tính chất đa dân tộc trong cơ cấu dân cư. Thực tế ấy đã làm hình thành ở vùng này các hệ thống và cơ cấu hoạt động kinh tế theo tộc người trong đó có hoạt động thương nghiệp của người Hoa, một hệ thống vừa góp phần phản ánh vừa góp phần thực hiện tiến trình lịch sử Việt Nam ở địa phương. Hình thành rất sớm trong sinh hoạt kinh tế địa phương, hoạt động thương nghiệp của người Hoa đã trở thành một lực lượng thể hiện năng lực thương nghiệp của đồng bằng Nam bộ, đồng thời phát triển dưới tác động của những thiết chế đặc biệt trong hoạt động quản lý xã hội, nó cũng là một yếu tố phản ánh các động thái lịch sử ở vùng này trong những hoàn cảnh và giai đoạn lịch sử khác nhau. Trong ý nghĩa này, có thể đặt vấn đề tìm hiểu hệ thống hoạt động thương nghiệp của người Hoa trong mối quan hệ với tiến trình lịch sử ở Nam bộ trước 1862.



Một lễ đính hôn giữa người Hoa và người Việt tại Sài Gòn năm 1920

Đóng góp về thương nghiệp của người Hoa trước thế kỷ XIX

Tiến vào Nam bộ với kinh nghiệm về thương cảng Hội An nổi tiếng, người Việt thế kỷ XVII - XVIII cũng có thêm một trợ thủ đắc lực là người Hoa với truyền thống hải hành và kinh nghiệm buôn bán lâu đời. Từ nhóm Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch vào Biên Hòa, Mỹ Tho "vỡ đất hoang, lập phố xá", thu hút đông đảo thương nhân Trung Hoa, Nhật Bản, Đông Nam Á và phương Tây tới buôn bán⁽¹⁾ ở Biên Hòa, Mỹ Tho năm 1679 đến nhóm Mạc Cửu vào khai phá khu vực Hà Tiên "dựa vào núi chạy theo bờ biển, có thể tụ họp buôn bán làm giàu"⁽²⁾ rồi đem đất này về quy phụ chúa Nguyễn năm 1708, những người Hoa phần Thanh phục Minh tới Nam bộ tỵ nạn chính trị thế kỷ XVII - XVIII cũng như những người Hoa di trú vì lý do kinh tế sau đó đã nhanh chóng phát huy được sở trường kinh tế của mình trên vùng đất giàu tiềm năng này, góp phần quan trọng vào việc xác lập ba dinh Biên Hòa, Mỹ Tho, Hà Tiên của

tam giác Việt Nam trên đồng bằng Nam bộ. Bên cạnh đó, khác hẳn đám hậu duệ di ứng với kinh tế thương nghiệp từ Gia Long đến Tự Đức thế kỷ XIX, các chúa Nguyễn - Đàng Trong nhìn chung đều có một chính sách thương nghiệp khá cởi mở, còn sau khi chiếm lại được Gia Định lần cuối năm 1788, chính quyền Nguyễn Ánh chủ trương thông qua hoạt động ngoại thương để biến tiềm lực kinh tế của đồng bằng Nam bộ thành sức mạnh quân sự mà chống Tây Sơn nên cũng phải có chính sách dễ dãi nhằm thu hút thương nhân nước ngoài tới buôn bán, những điều này cũng ít nhiều khiến cho hệ thống hoạt động thương nghiệp của người Hoa ở Nam bộ trước 1802 phát triển một cách thuận lợi và tự nhiên. Không lạ gì mà ngay từ thời Đàng Trong, thương nghiệp ở Nam bộ đã có nhiều khác biệt đáng kể với vùng Thuận Quảng: nếu Thuận Quảng chủ yếu xuất khẩu các sản vật tự nhiên như gỗ, quế, trầm hương, yến sào hay sản phẩm thủ công nghiệp như đường phèn... thì Nam bộ nổi tiếng với các

hàng hóa là sản phẩm nông nghiệp được gói ghém trong câu “*Gia Định nhất thóc nhì cau*”, hay trong khi điều kiện địa hình với nhiều sông ngòi chảy theo hướng Đông Tây ở Thuận Quảng đã làm hình thành các khu vực thương nghiệp với ranh giới rõ ràng giữa Thuận Hóa, Quảng Nam và Nam Trung bộ thì mạng lưới sông rạch chằng chịt ở Nam bộ lại tạo điều kiện cho con người vùng này nhanh chóng xây dựng được một thị trường nội địa thống nhất hơn. Chính nhờ vậy mà tuy điều kiện bờ biển phù sa bồi kéo dài từ Vũng Tàu tới mũi Cà Mau không cho phép thành lập nhiều thương cảng dọc bờ biển như ở miền Trung, trước 1862 Nam bộ vẫn là một địa bàn có hoạt động ngoại thương khá ổn định trên cơ sở thị trường nội địa, thậm chí còn trở thành đầu mối xuất cảng nhiều hàng hóa của cả Campuchia và Lào. Những điều nói trên đã kích thích hệ thống hoạt động thương nghiệp của người Hoa ở Nam bộ (bao gồm cả người Hoa Minh Hương và người Hoa di trú vì lý do kinh tế) phát triển theo hướng nhất hóa vào với hệ thống sản xuất vật chất và giao tiếp xã hội trên toàn vùng, trở thành một bộ phận gắn bó với sự nghiệp xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, tổ chức xã hội và bảo vệ Tổ quốc của cộng đồng Việt Nam tại chỗ, và trên đường hướng này cũng góp phần quan trọng vào việc tái sản xuất mở rộng đời sống xã hội Việt Nam trên đồng bằng Nam bộ, tác động mạnh mẽ tới cơ cấu chính trị cũng như phong khí xã hội ở địa phương mà đặc biệt là dưới thời Đàng Trong. Sự xuất hiện của hàng loạt nho sĩ xuất thân từ gia đình thương nhân như Ngô Nhơn Tịnh, Trịnh Hoài Đức, Huỳnh Ngọc Uẩn cuối thế kỷ XVIII hay nhân vật Ông Quán lâu thông kinh sử không thèm đi thi làm quan mà nhẩy ra kinh doanh ngành ăn uống trong *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu trước 1862... ít nhiều là những minh chứng. Cho nên tuy xuất hiện trên bản đồ Việt Nam một cách muộn màng, Nam bộ lại mau chóng trở thành vùng đất năng động bậc nhất Việt Nam về kinh tế, yếu tố này đã giúp con người địa phương vượt qua những giới hạn của lịch sử để từng bước thích ứng một cách chủ động và tích cực với trào lưu thống nhất đất nước cuối thế kỷ XVIII rồi góp phần đặt dấu chấm hết cho ba trăm năm phân tranh và nội chiến ở Việt Nam năm 1802.

Trước 1802, hệ thống hoạt động thương nghiệp của người Hoa ở Nam bộ phát triển khá nhanh về số lượng cũng như phạm vi – năm 1746 đám thương nhân Lý Văn Quang người Phúc Kiến cư ngụ ở Biên Hòa làm loạn đã tụ họp đồng đảng được hơn 300 tên, còn năm 1782 khi Nguyễn Nhạc ra lệnh tàn sát tất cả người Hoa “không kể mới cũ” ở Sài Gòn để trả thù việc quân Hòa nghĩa của Lý Tài giết chết Hộ giá Phạm Ngạn của Tây Sơn, thì số người Hoa bị giết đã lên tới hàng vạn⁽³⁾, hay năm 1785 Trịnh Hoài Đức lên Campuchia buôn bán đã gặp các thương nhân người Hoa từ Gia Định lên thu mua cau khô “Kê ngân Đường cổ hoán lang đầu - Bạc Miền chú Khách trút mua cau” (*Thu nhật khách trung tác*)⁽⁴⁾. Từ đầu thế kỷ XVIII, trấn Hà Tiên đã là một nơi “*Thương khách vãng lai xưng lạc thổ, Thê hàng đa tập tại xuân tiền - Thương khách tới lui khen lạc thổ, Thuyền buôn nhóm họp trước mùa xuân*” (Nguyễn Nghi, *Kim Dự lan đào*)⁽⁵⁾ nổi tiếng trong thư tịch Trung Hoa với danh xưng “*Cảng khẩu quốc*” (*Thanh triều Văn hiến thông khảo*), còn Cù lao Phố, Sài Gòn cũng đã trở thành những trung tâm thương nghiệp lớn, thu hút nhiều thương nhân nước ngoài trong đó có một số lớn tới từ Trung Hoa... Nhiều đặc điểm thương nghiệp Trung Hoa đã được du nhập vào đồng thời khuôn nắn lại trong bối cảnh Việt Nam, như việc phân chia thành các tầng lớp thương nhân loại lớn buôn bán đường dài, thương nhân loại vừa buôn bán ở địa điểm cố định và cả thương nhân của chính quyền phụ trách kinh doanh các mặt hàng nhà nước độc quyền và ngoại thương tương tự ở Trung Quốc⁽⁶⁾, chẳng hạn các trường hợp Lưu Vệ Quan và Huỳnh Tập Quan được Mạc Cửu phái sang Nhật Bản và đã được Mạc Phủ Đức Xuyên cấp giấy thương mại năm 1728, 1729 hay các thuyền chủ Ngô Chiêu Viên và Lâm Thiện Trường do Mạc Thiên Tích phái sang Nagasaki để xúc tiến việc mậu dịch với Nhật Bản năm 1740, 1742⁽⁷⁾. Tuy nhiên trong thời gian 1788 - 1802, bị chi phối bởi chính sách “độc quyền Nhà nước” của chính quyền Nguyễn Ánh, kinh tế thương nghiệp ở Nam bộ chỉ phát triển một cách phiến diện, thiên về ngoại thương với công thức chủ yếu là xuất nông sản hàng hóa để nhập vũ khí kỹ thuật mà chống Tây Sơn, điều này cùng với những tác động của chiến tranh khiến thương

ngiệp ở địa phương cuối thế kỷ XVIII phát triển mà không thịnh vượng, mức độ tích lũy tư bản thương nghiệp trong xã hội hầu như chưa có gì đáng kể. Bên cạnh đó, quan hệ hòa hiếu giữa Tây Sơn với nhà Thanh sau trận Đống Đa dường như cũng ít nhiều làm chính quyền Gia Định e ngại, nên năm 1790 Nguyễn Ánh đã đặt ra đơn vị hành chính phủ với các chức Cai phủ, Ký phủ để quản lý những người Hoa di trú vì lý do kinh tế một cách riêng biệt với những người Hoa Minh Hương. Nhưng nhìn chung hệ thống hoạt động thương nghiệp của người Hoa ở Nam bộ không bị ảnh hưởng gì nhiều bởi động tác quản lý hành chính trong thời chiến ấy, mà chỉ bị tác động bởi chính sách kinh tế của triều Nguyễn từ 1802 trở đi.

Những hạn chế về thương nghiệp của triều Nguyễn sau khi thống nhất đất nước

Trong thời gian 1802 - 1862, hệ thống hoạt động thương nghiệp của người Hoa ở Nam bộ vẫn tiếp tục phát triển trên cơ sở nhiều di dân mới. *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức hoàn thành khoảng 1820 - 1821 đã ghi nhận về sự hiện diện của nhiều Hội quán người Hoa ở Sài Gòn⁽⁸⁾, điều này chính phản ánh sự thay đổi về cơ cấu nhân lực trong hệ thống hoạt động thương nghiệp của người Hoa ở Nam bộ: tỷ lệ các thương nhân người Minh Hương có chiều hướng giảm còn tỷ lệ các thương nhân người Hoa di trú vì lý do kinh tế có chiều hướng tăng lên. Hình thức tiểu thương bán lẻ cũng trở nên phổ biến, tình hình này đã được ghi nhận trong thơ văn chữ Nôm ở Nam bộ nửa đầu thế kỷ XIX “*Xi xô inh đường cái, khách già rao kẹo ổi ôi*”⁽⁹⁾ hoặc “*buôn Châu Đốc Nam Vang, chèo xạc xạc chiếc lên chiếc xuống; hoặc ở Sài Gòn Bến Nghé, tiếng xô xô bán kẹo bán đường*” (*Văn dĩ tế chệt ngụ*)⁽¹⁰⁾. Hơn thế nữa, xu thế xâm nhập vào tầng lớp quan lại như trường hợp thương nhân gốc Hải Nam Lưu Hằng Tín chủ động tới xin làm con nuôi Tổng trấn thành Gia Định Lê Văn Duyệt “*Dinh tiên cúi lạy thưa lên, Xin làm nghị tử gá tình minh linh*” (*Bôn Bang thơ*)⁽¹¹⁾ rồi trở thành nhân viên trong Ty Hành nhân Gia Định thành còn cho thấy hệ thống hoạt động thương nghiệp của người Hoa đã thấm sâu hơn vào các thiết chế, quan hệ và hoạt động của xã hội Việt Nam ở địa phương, lan cả vào hệ thống sản xuất



kinh thần lẫn hệ thống quản lý xã hội. Mức độ tích lũy tư bản thương nghiệp cũng tăng lên đáng kể, đồng thời trên phương diện tài chính, hoạt động thương nghiệp của người Hoa còn đưa thêm nhiều yếu tố mới vào kinh tế Nam bộ, chẳng hạn việc sử dụng phổ biến hệ thống tiền tệ theo hệ đếm 10 ở Trung Quốc. Trên bìa Trùng tu Tuệ Thành Hội quán bị ký dựng năm 1830 ghi danh sách những người quyên góp "... Sầm Nhật Lợi 300 quan, Hăng Trung Tín 100 đại nguyên..."⁽¹²⁾, còn câu "Thiếp đầu một các cũng nên hai các cũng nên, coi nhau bằng ngọc; Hia có năm tiền cũng vậy ba tiền cũng vậy, trọng nghĩa như vàng" trong bài Văn đi tế chệch ngục đã nhắc tới đơn vị tiền tệ "các" tức "giác" đọc theo âm Hoa Hán giọng Quảng Đông. Tiền tệ Việt Nam thời Nguyễn vẫn theo hệ đếm 12 với đơn vị "quan", gồm 600 hoặc 360 "tiền" (tiền kẽm) chứ không phải là "đồng" và "các" (miền Trung gọi là "giác", miền Bắc gọi là "hào") như từ thời Pháp thuộc trở đi. Song theo Quốc tế điều lệ của nhà Thanh thì thời gian này ở Trung Hoa có ba loại tiền bằng bạc, đồng và kẽm, đều lấy bạc làm chuẩn, đôi ngang được 6 tiền 4 phân 8 ly bạc ròng gọi là một "viên" (tức "nguyên"), trong đó "ngân viên" (tiền bằng bạc) có bốn hạng: một viên, nửa viên, hai giác và một giác, cứ một "ngân viên" ăn mười "ngân giác". Rõ ràng do quan hệ mua bán giữa hai nước thông qua các thương nhân người Hoa mà đồng "ngân viên" với tên gọi Trung Hoa đã được du nhập vào Nam bộ ít nhất từ đầu thế kỷ XIX. Tất cả những điều này góp phần tích lũy cho xã hội Việt Nam ở Nam bộ thời gian 1802 - 1862 những tiềm năng phát triển mới, tuy nhiên trước 1862 tiềm năng ấy vẫn không có điều kiện để trở thành hiện thực, vì trào lưu thống nhất đất nước cuối thế kỷ XVIII dấy lên từ yêu cầu xác lập một thị trường dân tộc thống nhất của kinh tế hàng hóa tiền tư bản đã không được kế tục dưới thời Nguyễn từ 1802 trở đi.

Từ 1802 trở đi, kinh tế thương nghiệp ở Nam bộ trong đó có hệ thống hoạt động thương nghiệp của người Hoa bị đặt vào một mâu thuẫn mới. Với bản chất kinh tế của một kẻ thu địa tô, triều Nguyễn chỉ nhìn đồng bằng Nam bộ như một vùng nông nghiệp có thể giúp toàn quốc tự cấp tự túc về lương thực, nên đã thực thi một chính sách hạn chế thương nghiệp mà

kết quả là tạo ra nhiều khó khăn cho hệ thống hoạt động thương nghiệp của người Hoa ở Nam bộ trên con đường nhất hóa vào với tiến trình kinh tế Việt Nam. Không lạ gì mà sau Hòa ước 1862, hệ thống này lại ít nhiều bị tách rời khỏi quỹ đạo vốn có đồng thời phân hóa một cách rất phức tạp trong nhiều năm sau đó. Và chống lại cả một truyền thống địa phương, triều Nguyễn đã phải thất bại ngay trên "đất trung hưng" của nó: trong sự biến thành Phiên An năm 1833, nhiều thương nhân người Hoa ở Nam bộ đã bộc lộ sự bất mãn với chính sách trọng nông ức thương của triều Nguyễn qua hành động ủng hộ Lê Văn Khôi "Quảng Đông quân Khách cũng nhiều, Cương Phong Lý Pháo, Phước Triều cũng đông" (*Bốn Bang thơ*), "Nhớ anh em xa thì Ba Thắc Bảy Xâu, nghe tiếng ngục mấy người ngao ngán; Tưởng anh em cũ thì Trà Vinh Mân Thít, cũng hiệp đoàn một trận tan hoang" (*Văn đi tế chệch ngục*)⁽¹³⁾. Hệ thống hoạt động thương nghiệp của người Hoa ở Nam bộ đến đây đã ít nhiều bộc lộ sức mạnh xã hội của nó, sức mạnh đã góp phần tạo ra một Nam bộ giàu tiềm năng phát triển đồng thời đưa người Hoa hội nhập vào cộng đồng Việt Nam ở địa phương. Nhưng chương ngại mà triều Nguyễn dựng lên trước sự phát triển kinh tế - xã hội ở Nam bộ nửa đầu thế kỷ XIX đã làm quá trình Việt hóa thông qua hệ thống hoạt động thương nghiệp của người Hoa ở vùng này bị chậm lại, nên những nguy cơ phân hóa tiềm ẩn trong cộng đồng người Hoa ở Nam bộ đã chính thức bộc lộ từ 1859, khi tiếng súng của quân xâm lược Pháp nổ rền trước thành Gia Định, mở ra trang sử vong quốc của dân tộc Việt Nam...

Như một dòng chảy gắn bó với sinh hoạt kinh tế và đời sống tinh thần của cộng đồng Việt Nam ở địa phương, hệ thống hoạt động thương nghiệp của người Hoa ở Nam bộ đã trở thành một động lực quan trọng trong tiến trình lịch sử ở vùng này trước 1862. Những hạn chế của chính quyền Việt Nam thời nội chiến Tây Sơn - Nguyễn Ánh cuối thế kỷ XVIII rồi triều Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX tuy có khi cũng làm chậm lại nhưng không đổi hướng được dòng chảy ấy, còn trong thời gian 1862 - 1945 thực dân Pháp tuy nương theo được dòng chảy ấy nhưng cũng không biến được nó thành một yếu tố trong thiết chế kinh tế thuộc địa của mình.

Điều này cũng đang đặt ra nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng đối với hoạt động phát triển kinh tế - xã hội ở thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và đồng bằng Nam bộ hiện nay nói chung. ■

(1) (2) *Đại Nam Liệt truyện Tiền biên*, Cao Tử Thanh dịch và giới thiệu, Nxb. Khoa học xã hội, 1995, tr. 252, 240.

(3) Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xb., Sài Gòn, 1972, phần chữ Hán in kèm, Sơn xuyên chí, tờ 7a-b và 28a-b.

(4) Trịnh Hoài Đức, *Cán Trai thi tập*, Cán Trai tàng bản, bản in chữ Hán năm Minh Mạng thứ 3 (1822).

(5) Theo *An Nam Hà Tiên thập vịnh*, bản chữ Hán chép tay hiện được lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội, ký hiệu A. 441.

(6) Xem thêm Vương Triệu Tường, Lưu Văn Trí, *Trung Quốc cổ đại dich thương nhân*, Thương vụ ấn thư quán Quốc tế hữu hạn Công ty, Bắc Kinh, 1995, bản dịch của Cao Tử Thanh với tên *Thương nhân Trung Hoa - Họ là ai?*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1999, tr. 39 - 66.

(7) Theo Trần Kinh Hòa, *Họ Mạc và chúa Nguyễn tại Hà Tiên*, Văn hóa A Châu, Sài Gòn, số 7, 1968.

(8) Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, sđd., Thành trì chí, tờ 18b

(9) *Sài Gòn d'autrefois*, Trương Vĩnh Ký chép ra quốc ngữ và dẫn giải, Bản in Nhà hàng G. Guiland et Martinon, Sài Gòn, 1892.

(10) Đây là tác phẩm của một tác giả khuyết danh ở Gia Định thác lời một gái thanh lâu thương khóc để mỉa mai những khách thương người Hoa ở Sài Gòn tham gia cuộc binh biến của Lê Văn Khôi, có lẽ sau khi quân triều đình hạ được thành Phiên An năm 1835. Tác phẩm này hiện chưa thấy có bản chữ Nôm nào mà chỉ còn hai bản chữ Quốc ngữ La tinh, đều chép trong *Trương Vĩnh Ký di chỉ* hiện được lưu giữ ở Thư viện Viện Thông tin Khoa học xã hội Hà Nội, ký hiệu VD. 35/4, một có nhan đề *Văn tế chệch, con đi tế chệch*, tr. 84 - 85, gồm 31 câu (ký hiệu là bản A), một có nhan đề *Văn tế chệch ngục* và dòng nguyên chú có lẽ của Trương Vĩnh Ký "Nguyên chệch Sài Gòn theo giặc Khôi bị chết trận, sắp đi nhạo chơi", tr. 143 - 154, gồm 39 câu (ký hiệu là bản B). Hai bản đều có những điểm chưa hợp lý, thứ tự các câu cũng có chỗ xuất nhập. Những đoạn trích dẫn trên đây là theo văn bản hiệu đính của chúng tôi.

(11) Albert Lorin, *Bốn Bang thơ ou Lettre de Bốn Bang* (revolte de Khôi), BSEI, 1er trim., 1890.

(12) Xem thêm LiTana, Nguyễn Cẩm Thúy, *Bia chữ Hán trong Hội quán người Hoa*.

(13) Xem thêm Cao Tử Thanh, *Nho giáo ở Gia Định*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1996, tr. 127-136.